

ТЕСТ 2. На знание пройденного материала

第一题 Заполните пропуски

是 shì 吗 ma 汉日 hàn rì 是 shì 那 nà 的 de 课本 kèběn 什么 shénme 词典 cídiǎn



玛莎, 是谁的吗? 是你的书 ?
mǎ shā, shì shéi de ma shì nǐ de shū



不 , 那 我同屋 书。
bù nà wǒ tóng wū shū.



是汉语 吗?
shì hàn yǔ ma



不是, 是《 词典》。
bùshì, shì " cídiǎn".



词典?
 cídiǎn



《汉日词典》, 就是汉语, 日语 。
"hàn rì cídiǎn", jiùshì hàn yǔ, rì yǔ

第二题 Правильно поставьте следующие слова

谁
shéi

什么
shénme

哪
nǎ



你 是 国人?
我是俄罗斯人。

她 是 ?
她是我的同屋。



那是 ?
那是汉语课本。

你叫 名字 ?
我叫萨沙。

